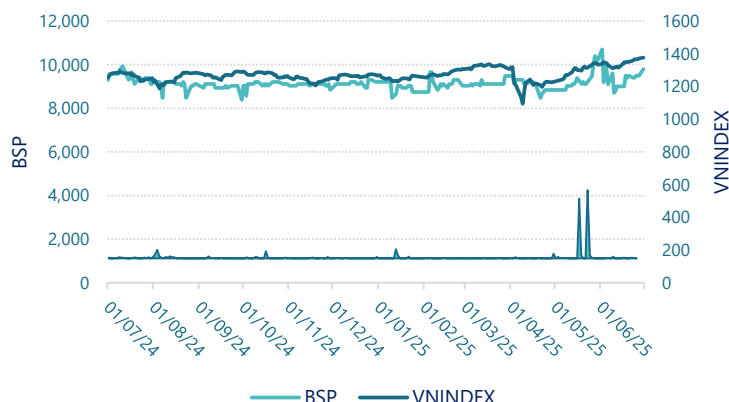


CTCP Bia Sài Gòn - Phú Thọ (UPCOM: BSP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,386
SL cổ phiếu LH	12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,375
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	123
P/E	17.0
EPS	578

DT thuần

Q2/25

106

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 50.3 | 90.5%

YoY: ▲ 10.3 | 10.9%

LN sau thuế

Q2/25

5.25

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0 | 192%

YoY: ▲ 1.69 | 47.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.5%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

6T 2025

162

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0 | 7.2%

LN sau thuế

6T 2025

-0.48

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.58 | 55.0%

ROE

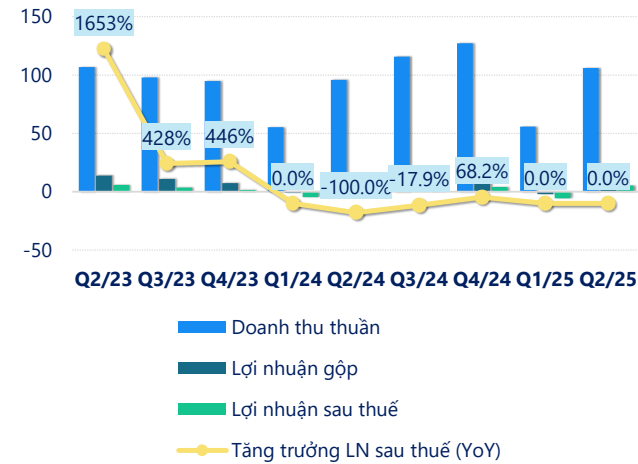
Q2/25

4.0%

+/- YoY: ▲ 2.0%

tỷ VNĐ

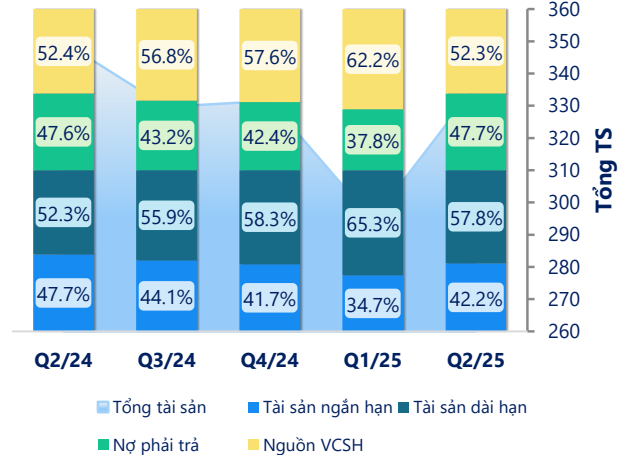
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

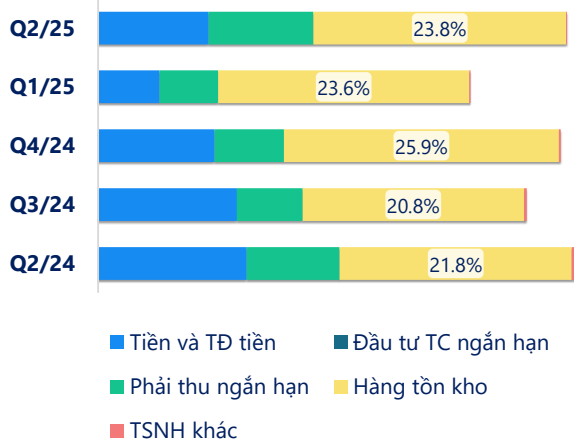
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



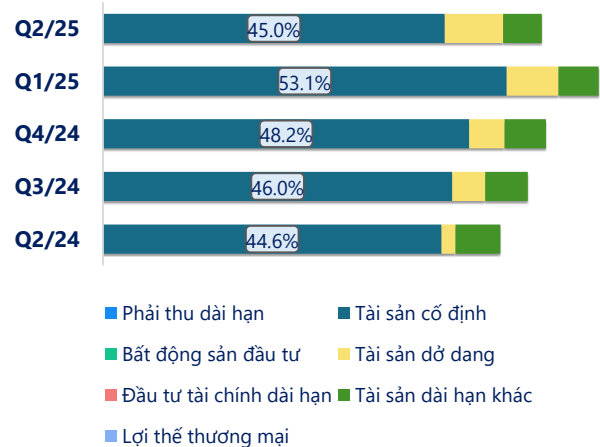
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

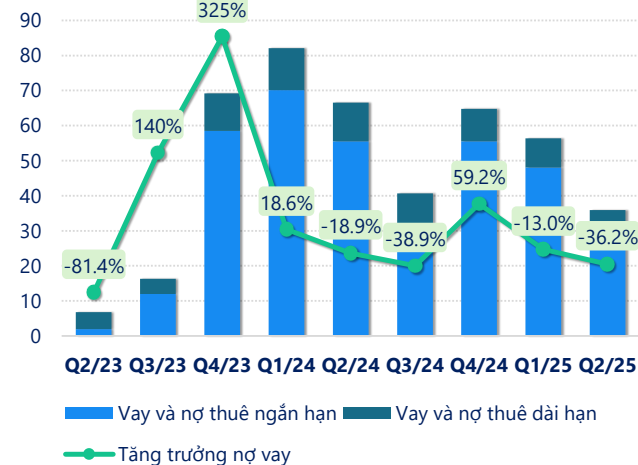
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

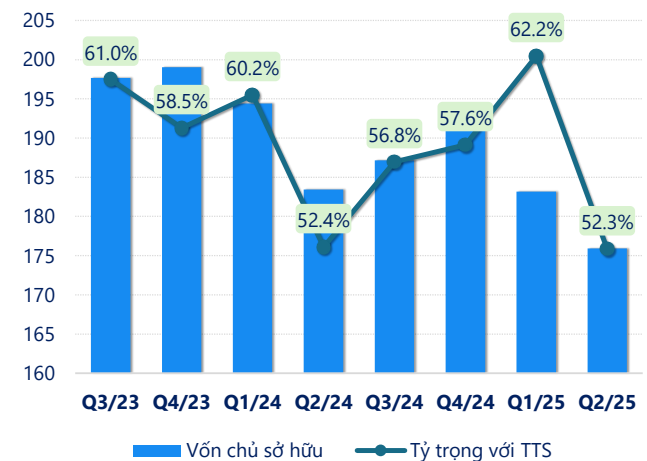
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

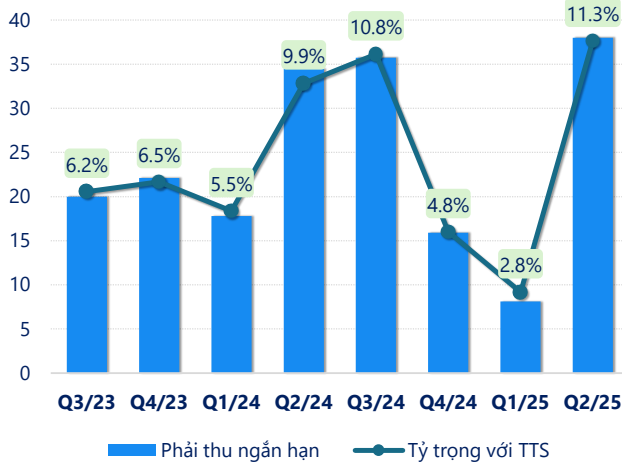
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



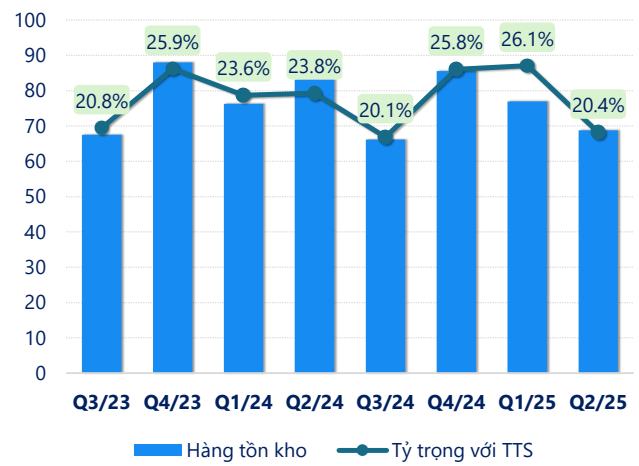
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


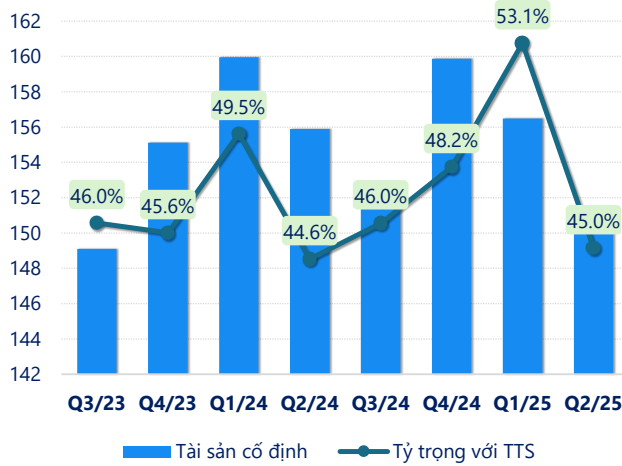
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


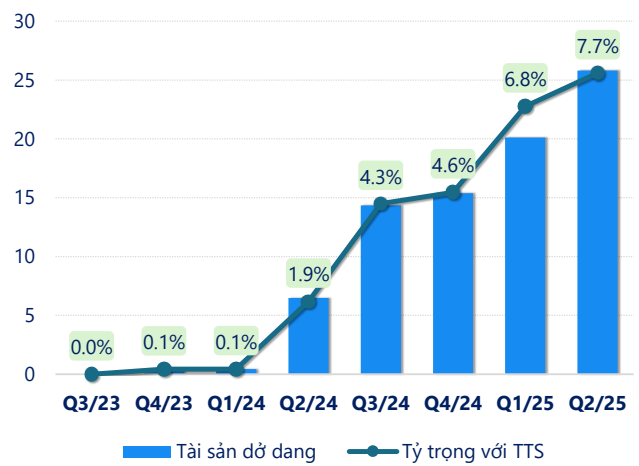
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

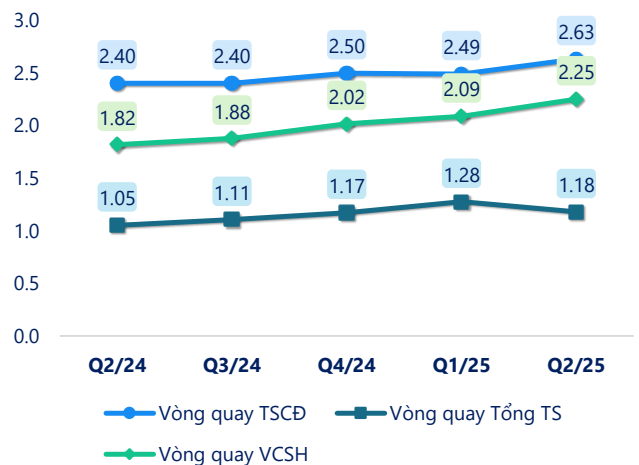
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	350	330	332	295	336
Tài sản ngắn hạn	167	145	138	102	142
Tiền và tương đương tiền	48.9	43.0	36.4	17.0	34.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	34.5	35.7	15.9	8.11	38.0
Hàng tồn kho	83.2	66.1	85.6	76.9	68.7
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.40	0.32	0.23	0.24
Tài sản dài hạn	183	184	193	192	194
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	156	152	160	156	151
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.49	14.3	15.4	20.1	25.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	20.7	18.4	18.1	15.6	17.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	166	142	140	111	160
Nợ ngắn hạn	155	132	131	103	153
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.6	30.6	55.6	48.1	28.6
Phải trả người bán ngắn hạn	28.1	13.4	8.03	8.75	23.6
Nợ dài hạn	11.0	10.1	9.21	8.30	7.30
Vay và nợ thuê dài hạn	11.0	10.1	9.21	8.30	7.30
Nguồn vốn chủ sở hữu	183	187	191	183	176
Vốn chủ sở hữu	183	187	191	183	176
Vốn điều lệ	125	125	125	125	125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)